

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 11-MÔN HÓA HỌC

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng điểm			Tỉ lệ %
			TNKQ nhiều lựa chọn (I)			TNKQ đúng – sai (II)			TNKQ trả lời ngắn (III)						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Cân bằng hoá học	Khái niệm về cân bằng hoá học		C1, C2									3		8,75
		Cân bằng trong dung dịch nước		C3	C4		C1a, C1b, C1c, C1d						5	1	15
2	Nitrogen và sulfur	Đơn chất nitơ (nitrogen)	C5									1			2,5
		Ammonia và một số hợp chất ammonium		C6, C7									2		5
		Một số hợp chất với oxygen của nitrogen				C2a, C2b, C2c	C2d					3	1		10
		Lưu huỳnh và sulfur dioxide			C8								1	1	6,25
		Sulfuric acid và muối sulfate		C9									1		2,5
3	Đại cương hoá học hữu cơ	Hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ	C10, C11									2			5
		Phương pháp tách biệt và tính chất hợp chất hữu cơ		C1 2			C3a, C3b, C3c, C3d						5		12,5

			<p>tượng mưa acid. (HH1.2)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được cấu tạo của HNO_3, (HH1.1) – Nêu được tính acid của nitric acid. (HH1.1) – Nêu được tính oxi hoá mạnh trong một số ứng dụng thực tiễn quan trọng của nitric acid. (HH1.1) 									
			<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân, hệ quả của hiện tượng phú dưỡng hoá (eutrophication). (HH1.6) 									
		4. Lưu huỳnh và sulfur dioxide	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các trạng thái tự nhiên của nguyên tố sulfur. (HH1.1) 				C2a C2b C2c					
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tính oxi hoá (tác dụng với hydrogen sulfide) và tính khử (tác dụng với nitrogen dioxide, xúc tác nitrogen oxide trong không khí) (HH1.2) – Tính chất hóa học của sulfur dioxide (HH1.2) – Trình bày được ứng dụng của sulfur dioxide (chất trung gian quan trọng trong quá trình sản xuất sulfuric acid, tẩy trắng vải sợi, đường; sản xuất thuốc trừ sâu và thuốc sát trùng,...) (HH1.2) - Tác hại của khí sulfur dioxide (nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường, gây mưa acid,...) (HH1.2) 					C2d				
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được thí nghiệm chứng minh lưu huỳnh đơn chất vừa có tính oxi hoá (tác dụng với kim loại), vừa có tính khử (tác dụng với oxygen). (HH2.4) – *Những biện pháp cắt giảm khí thải sulfur dioxide vào khí quyển(tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng sạch, thay thế dần các nhiên liệu hóa thạch bằng nhiên liệu thân thiện với môi trường,...) (HH1.2) 			C8						
		5. Sulfuric acid và muối sulfate	<p>Nhận biết:</p> <p>Nêu được ứng dụng của một số muối sulfate quan trọng: barium sulfate (bari sunfat), ammonium sulfate (amoni sunfat), calcium sulfate (canxi sunfat), magnesium sulfate (magie sunfat) (HH1.1)</p>									
			<p>Thông hiểu:</p>			C9						

			<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tính chất vật lí của sulfuric acid (HH1.2) – Trình bày được cách bảo quản, sử dụng sulfuric acid (HH1.2) – Trình bày được nguyên tắc xử lí sơ bộ khi bỏng acid. (HH1.2) – Trình bày được cấu tạo của H₂SO₄; (HH1.2) – Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của sulfuric acid loãng, sulfuric acid đặc (HH1.2) – Trình bày được ứng dụng của sulfuric acid loãng, sulfuric acid đặc (HH1.2) – Trình bày được những lưu ý khi sử dụng sulfuric acid. (HH1.2) – Nhận biết được ion SO₄²⁻ trong dung dịch bằng ion Ba²⁺. (HH1.1) 									
3	Đại cương hoá học hữu cơ	1. Hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ; đặc điểm chung của các hợp chất hữu cơ. (HH1.1) – Nêu được khái niệm nhóm chức và một số loại nhóm chức cơ bản. (HH1.1) 	C10, C11								
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân loại được hợp chất hữu cơ (hydrocarbon và dẫn xuất). (HH1.4) 									
		2. Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nguyên tắc và cách thức tiến hành các phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ: chưng cất, chiết, kết tinh và sơ lược về sắc kí cột. (HH1.2) 	C12				C3a, c3b, c3c, c3d				
			Vận dụng được các phương pháp: chưng cất thường, chiết, kết tinh để tách biệt và tinh chế một số hợp chất hữu cơ trong cuộc sống. (HH3.3)									
		3. Công thức phân tử hợp chất hữu cơ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm về công thức phân tử hợp chất hữu cơ. (HH1.1) 	C13, C14								
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được kết quả phổ khối lượng (MS) để xác định phân tử khối của hợp chất hữu cơ. (HH1.7) 					C2d				

